



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, FALLS CHURCH, VIRGINIA 22041
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

IV # _____
VEWL # _____
I-171 : Yes, I

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN EV LAN
Last Middle First
Current Address 3/8 P. 222, Phung G. Quan Tan Binh Pham Ho Chi Minh
Date of Birth 1934 Place of Birth Phung Uy Tan Binh
Previous Occupation before 1975 Di Binh Cao Tu ngay 03-5-1965 đến 01-1-1975
(Rank & Position) Cấp bậc chiến sĩ. Chức vụ: Chính trị
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 03-5-1965 To 01-1-1975
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name _____
Address & Telephone _____
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>Nguyen Bui Hung</u>	<u>Good friend</u>
<u>AV ENTOWN</u>	
<u>PA.</u>	<u>USA.</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Last name : first name)

NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING RELATIVE	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
Tên chi Lương	1934	93
Nguyễn Thị Hân	25.5.1955	Ban
Nguyễn Thị An	5.11.1955	Ban dân
Nguyễn Thị Hồng Duyên	2.2.1979	cháu
Nguyễn Thị Hồng Duyên	6.7.1982	cháu
Nguyễn Thị Hoàng	12.4.1984	cháu

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Định kèm đây đủ văn bằng chứng chỉ và giấy tờ con gái có kết hôn Nguyễn Thị Hân.
- Giấy khai sinh > Ban
- Giấy ra đời - 1 bản
- Giấy báo mất tích - 1 bản
- Giấy căn cước > Ban
- Hồ sơ > Ban
- Định gửi giấy yêu cầu

Aug - 26 - 89.

Kính Bà Minh.

gia đình cháu mới gửi giấy tờ qua kèn cháu
gửi số hồ sơ này lên cho Bà nhờ Bà lo giấy
tờ cho gia đình cháu, cháu ở bên diện này
đi làm sao Bà vậy cháu thông tiết, nên cháu nhờ
Bà lo vận đề giấy tờ cho gót cháu, cháu rất
cảm ơn Bà vì cháu nhờ qua Mỹ được có hơn
1 năm tuổi rồi, nếu giấy tờ (cho) có trục trặc
gì thì Bà cho cháu hay gấp để cháu hỏi tức
thời để thêm vậy cháu rất cảm ơn Bà có gì
thì Bà cho hay, và có thể gọi điện thoại
cho cháu (245) 1365 - 8867. vậy thì cháu cảm ơn
bà để rồi cho bà hay thì cháu xin đừng bận
lưu có gì cho cháu hay gấp.

cháu

John
Thống Nguyễn

Trại

Số 285-GR

002P 76 0290 2

SMLO

GIẤY RA TRẠI

Số thông tin số 000-HC/TT, ngày 11-11-1982, tại Công 12-5-1982

Thủ hành án văn, quyết định (hà) số 84-341-VV, tháng năm

của

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có (Nguyễn Huy Lân, 29-11-1931) 2

Họ, tên khai sinh

Họ, tên thường gọi Tuấn

Họ, tên bị danh 1931 736

Sinh ngày tháng năm Chuẩn vi, Trại trí, Thiết bị

Nơi sinh

Nơi 145 Quốc lộ, Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Giãn diện biệt kích

Cấp tại 02/5/1982 1007

Thi bắt ngày 230 4 1965

Theo quyết định, án văn số 84-341-VV, tháng năm của

Đã bị tống an lần công thành năm tháng

Đã được giảm án số 3/8 T3 7 phương 7, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Nay về cư trú tại

Nhận xét quá trình cải tạo Đã vào, định được thái độ cải tạo đúng ở trong lao động, học tập và tập thể tiến bộ, chấp hành nội quy của trại được nghiêm chỉnh, hàng ngày đã xây dựng lối sống từ trung bình đến khá

Đề nghị cấp phương tiếp tục giáo dục, giúp đỡ tạo điều kiện cho anh Nguyễn Huy Lân, lao động nghiêm túc và học ngữ công cần đến cấp cho XHON và xây dựng hành pháp gia đình //

Lập Nguyễn Huy Lân

Họ, tên, chữ ký người được thả

Ngày 21 tháng 7 năm 1982

Giám thị

Cấp 74

Danh, bản số 14-11

Lập tại

Nguyễn Huy Lân Trung tá : Nguyễn Huy Thiệp

Chứng nhận, Số 118. /CA.

Nhà ở và đất phương Thỉnh giáng ra

Thay Sơn khu lâm đất nước gem cái
được đưa về.

Số 605
CHÍNH
X

P.T. NGUYỄN 29/7/1982

[Handwritten signature]

2
8-1982
UBND. PHUONG U. Q. TAN BINH

[Handwritten signature]



KIẾN THUS KÝ

7/2/82

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Nguyễn Huy Lân Sex: Phái nam
2. Other Names
Họ, tên khác : Nguyễn Anh Tuấn
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : năm 1931. Thuận Mỹ Thuận Bình
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 3/R 10/22 phường 6, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 3/R 10/22, phường 6, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : làm chủ công nghệ
8. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Tam Thị Hương</u>	<u>1934</u>	<u>Tân Bình</u>	<u>nam</u>	<u>M</u>	<u>cha</u>
2. <u>Nguyễn Huy Lân</u>	<u>25.5.1955</u>	<u>Tam Kỳ, huyện Tân Uyên</u>	<u>nam</u>	<u>M</u>	<u>cha</u>
3. <u>Nguyễn Thị An</u>	<u>6.11.1955</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>nữ</u>	<u>M</u>	<u>con gái</u>
4. <u>Nguyễn Thị Phương Uyên</u>	<u>2.2.1979</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>nữ</u>	<u>S</u>	<u>con gái</u>
5. <u>Nguyễn Thị Phương Uyên</u>	<u>6.3.1982</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>nữ</u>	<u>S</u>	<u>con gái</u>
6. <u>Nguyễn Thị Hương</u>	<u>12.4.1984</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>nam</u>	<u>S</u>	<u>con trai</u>
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn đồng hành chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S:
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : Nguyễn Duy Hưng

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Con trai

c. Address
Địa-chỉ : _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : tháng 9. 1987

PA. 18102
USA,

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Nguyễn Duy AM Chết

2. Mother
Mẹ : Nguyễn Thị Sinh Chết

3. Spouse
Vợ/Chồng : Trần Thị Loan Sống

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): Không

5. Children
Con cái:

(1)	<u>Nguyễn Duy Tân</u>	<u>Sống</u>
(2)	<u>Nguyễn Thị Mỹ</u>	<u>Sống</u>
(3)	<u>Nguyễn Thị Tuyết Nhung</u>	<u>Sống</u>
(4)	<u>Nguyễn Thị Hưng</u>	<u>Sống</u>
(5)		
(6)		
(7)		
(8)		
(9)		

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	<u>Nguyễn Thị Thảo</u>	<u>Sống</u>
(2)	<u>Nguyễn Thị Hằng</u>	<u>Sống</u>
(3)	<u>Nguyễn Thị Tuyết Nhung</u>	<u>Sống</u>
(4)	<u>Nguyễn Thị Mỹ</u>	<u>Sống</u>
(5)		
(6)		
(7)		
(8)		
(9)		

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Thụy Lan

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1952 Đến 03.5.1964

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng Đang Sĩ? Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 31/303 119

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung Đội kỹ thuật lực lượng đặc biệt

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : _____

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cô-văn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award:
Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:
Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .) / / / /

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đừng sợ có không? Có 05. Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

. Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :
 Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:
Ngày, tháng, năm

From
TJ:

To

τρί:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đải-tho chương-trình huấn-lu^gên? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CHU-Y: Xin ban kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thi nếu có. Ban có hay không? Có Không

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoac vo/chong da hoc-tap cai-tao

1. Name of Person in Reeducation:

Ho tên người đi học-tập cải-tạo :

2. Time in Reeducation: From: _____
Thời gian học-tập Từ: _____

To:

Thời gian học-tập

TJ:

Τοί:

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

* (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên

Date _____

Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1 Bưu Sưu giấy Lơ Phai
 - 1 Bưu Sưu áo bông nhuộm tím nghiệp kép bình bình - của người duy tôn.
 - 1 Bưu Sưu bông nhuộm đen lụa trắng đặc biệt của người duy tôn.
 - 1 Bưu Sưu chày chỉ tằm nghiệp Hả Sĩ quan (túi bị) - người duy tôn.
 - 1 Bưu Sưu bông tằm nghiệp Hả Sĩ quan (phần bình) - người duy tôn.
 - 1 Bưu Sưu chày chỉ nhuộm đen lụa trắng đặc biệt của người duy tôn.
 - 1 Bưu Sưu chày chỉ nhuộm đen lụa trắng đặc biệt của người duy tôn.

7P-3

42

B U U - 2 1 H

KHO CỎ MẮT TÊN

-1-1-1-1-1-1-

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
-1-1-1-1-1-1-
BỘ TƯỚNG TRẦN HƯNG
QUÂN LỤC VIỆT NAM CỘNG HÒA
SỞ KỸ THUẬT
Số 2010/TTH/SKT/HV/I.

Họ và Tên : NGUYỄN VĂN LAM
Cấp bậc : Thượng-vệ
Số quân : 31/303.119
Đơn vị : Sở Kỹ Thuật
Binh ngạch : Lực Lượng Đặc Biệt
Ngày và địa điểm ra đời : Một đêm ngày 01.12.1965 tại (địa điểm) (không rõ) sau khi chạy
sống với địch và bị địch bắt.
Ngày và nơi sinh : 1931 tại Thuận-Vĩ - Hà-Nam
Gia cảnh : Vợ & 6 con
Họ và tên, thân đồng : Bà TRẦN-THỊ-LUẬN (vợ) số 174/2 ấp Lập Hòa, Tân S.
người được báo tin : Hẻm, Quận Tân-Bình, Tỉnh Gia-Dinh.
Đặc lương : 300 kg
Thấm niên công-vụ : 15 năm 06 tháng 05 ngày
Ngày và nơi mai táng : Không rõ
Quy-tránh công-vụ : Được quy tránh vì công-vụ

NOI NHẬN :

H.Đ.Đ. 35, ngày 01 tháng 10 năm 1965

- Bộ TTH/L. TTH & TTĐKT
- Bộ Chỉ Huy 2 và 3 Tiếp Vận
(Sĩ-quan Bộ tịch)
- Sở K. và TC, số 1
- Nha Động Viên (TTĐ)
- Phòng Động Viên Vùng
- Nha Cựu Chiến Binh và Phế-Dinh
- Đại-Vệ Tổng Hành Dinh/LLDB
- Bà TRẦN-THỊ-LUẬN số 174/2 ấp
Lập-Hòa, Tân S. Hẻm, Quận Tân
Bình, Tỉnh Gia-Dinh.

Đại-Vệ NGUYỄN-VĂN-NGHÈ,
Sĩ-quan Bộ Tịch

(Signature)

K.Đ.Đ.

Tu. Đại-Tá TRẦN-VĂN-BỘ
Giám-Đốc Sở Kỹ Thuật
Đại-Vệ NGUYỄN-VĂN-NGHÈ
Trưởng Phòng Nhân Viên



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Quận: TÂN-BÌNH

Phường (Xã):

Số nhà: 115C2

Số hộ năm: 157C/TA

BẢN SAO GIẤY HÔN THỦ

Họ, tên chồng	: Nguyễn ¹⁰ Rạng Hương.
Ngày và nơi sinh	: Hai tháng bảy năm chín năm kinh, Quảng Nam.
Họ tên tuổi và Quốc tịch mẹ chồng	: Trần Thị Loan (42 tuổi) (S). Việt Nam
Họ tên tuổi và Quốc tịch cha chồng	: Nguyễn ¹⁰ Rạng Hương (43 tuổi) (S). Việt Nam
Họ tên vợ	: Nguyễn Thị AN
Ngày và nơi sinh	: Sáu tháng năm, một, một chín năm kinh - Sài Gòn
Họ và tên cha vợ	: Nguyễn Văn Chấn (S)
Họ và tên mẹ vợ	: Phạm Thị. Phạm (S)
Ngày lập hôn thú	: Tám tháng tư một chín bảy Sáu
Có lập hôn khế không	:

SAO Y BẢN CHÍNH

Thành phố HỒ CHÍ MINH, ngày 8 tháng 4 năm 1976

THỦY VIÊN HỘ TỊCH.

Chung

**SỞ TƯ PHÁP
TRUNG-PHẦN
TÒA SỞ THẨM
QUẢNG-NAM tại ĐÀ-NẴNG.
CHỨNG THƯ THAY GIẤY
GIẤ - THỦ**

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Năm một nghìn chín trăm bốn mươi bốn
ngày 2 tháng 12 năm 1944
Trước mặt chúng tôi là 12
Tha sư Thâm Quảng-Nam tại ĐÀ-NẴNG người tại văn
phòng ở Ông 121-Kim-Hải-186 Lạc-Sự giúp việc.

CÓ ĐỀN TRÌNH DIỆN

20) Phan-Vinh-Công 26 tuổi, trú ngụ tại
Cán-cước số 26 cấp tại ngày
20) Nguyễn-Tham 23 tuổi, trú ngụ tại
Cán-cước số 23 cấp tại ngày
30) Trần-Tường-Chi 27 tuổi, trú ngụ tại
Cán-cước số 27 cấp tại ngày

Những người chứng nói trên sau khi thể nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật, đã khai
và chứng nhận biết rõ

Nguyễn-Huy-Lan sinh ngày không nhớ năm không nhớ
một ngàn chín trăm ba mươi một (1931)
là con của Ông Phan-Vinh, Quận Tân-Fri, tỉnh Thái-Bình
đã chính thức kết hôn với Nguyễn-Thi-Sân vợ chánh,
tháng năm một năm không nhớ
tại tư, nhà một ngàn chín trăm năm mươi (19/04/1950)
với cô Long-Văn, Quận Long-An, tỉnh Hải-Phòng,
tháng Trần-Thi-Luân không nhớ
tại không nhớ một ngàn chín trăm ba mươi bốn (1934)
là con của Ông Phan-Vinh, Quận Thái-Fri, tỉnh Thái-Bình,
Mấy người này đã quyết rằng Phan-Thi-Bửu (c)
không thể xuất nạp giấy GIẤ - THỦ Nguyễn-Huy-Lan được vì là sở hộ tịch chánh quốc
bị phá hủy bởi những biến cố chiến tranh và chính bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều

Việt-Hộ-Lập có chứng thư này thay thế giấy GIẤ - THỦ
của 40 Tác hôn thê với
cấp cho 40 Nguyễn-Huy-Lan Trần-Thi-Luân

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lạc-Sự

Người đồng khai

Những người chứng

Lạc-Sự

-- đóng ký

Tam bản chính :
Trước bộ thẩm :
Trước bộ tại Đà-Nẵng, ngày 23/12/1958
của 40 I. CHỦ SỰ 23
thợ tên và đóng dấu 13/2



chính bản

Đà-Nẵng, ngày 23 tháng 12 năm 1958

Lạc-Sự

72

Xã, thị trấn:

Thị xã, quận:

Thành phố, tỉnh:

Cần Bình

Bố Chi Ninh

GIẤY KHAI SINH

Số 123/1982

Quyển số 1234

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	Nguyễn Thị Phương Dung		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Mùng 8/10/1982 Châu Văn Tài			
Nơi sinh	Bà Rịa - Vũng Tàu			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Huy Hòa 1954	Nguyễn Thị An 1955		
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	Việt - Nam			
Nghề nghiệp	Kỹ sư	Hợp tác xã		
Nơi ĐKKK thường trú	1/11 Cẩm Phả	1/3 Hồ Chí Minh Xã Cần Bình		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	Nguyễn Thị Xuân 3/8 Phường 1			

Đăng ký ngày 21 tháng 7 năm 1982

TMUBND Cần Bình ký tên, đóng dấu



NGUYỄN VĂN ON

MEMO

Tên họ, Tỉnh: Hà Tĩnh Minh.

Số 17/1979
Quyền số 01/P.07

Họ và tên	Nguyễn Thị Phượng Duyên		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy chín (02-02-1979)			
Nơi sinh	Viện bảo vệ bà mẹ và trẻ ở tỉnh Đuân I			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Huy Hòa 1955		Nguyễn Chi Ân 1955	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	NVQS		Công nhân	
Nơi ĐKKK thường trú	E5 - Huân luyện Đuân trưởng, Địch Ngụy		3/8 - Phường 7 Đuân trưởng	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Huy Hòa E5 - Huân luyện Địch Ngụy Đuân trưởng			

Đã ký ngày 07 tháng 02 năm 1979

TM/UBND Nguyễn Văn Linh ký, tên, đóng dấu

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

ỦY VIÊN KHUÔNG TRU

LÊ-HOÀ-L-VŨ

Xã, thị trấn

Thị xã, quận Quận Bình
Thành phố, tỉnh Hà Nội

GIẤY KHAI SINH

Số 7071985
Quận số 11P7

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Nguyễn Huy Hoàng</u>		Nam, nữ	<u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày 12 tháng 4 năm 1985</u>			
Nơi sinh	<u>Bu Hương Ưông</u>			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Huy Hoàng</u> <u>1955</u>	<u>Nguyễn Thị An</u> <u>1955</u>		
Dân tộc	<u>Khê</u>			
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>			
Nghề nghiệp	<u>Nhiếp ảnh</u>	<u>CS</u>		
Nơi ĐKNE thường trú	<u>3/8 Phường 7</u>	<u>Quận Bình</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNE thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Nguyễn Huy Hoàng</u>			

Đăng ký ngày 14 tháng 4 năm 1985
TAMUOND 10/7 Ký tên, đóng dấu



(chức vụ, họ tên, chức vụ)
VIỆN THỦ KÝ

Nguyễn Xuân Giao



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022028090**

Họ tên: **NGUYỄN HUY HÒA**

Sinh ngày: **25-5-1955**

Nguyên quán: **Thái Bình.**

Nơi thường trú: **1/8 Tổ 22, r07**

T.Bình, T.P. Hồ Chí Minh.



Số **605**
CHỨNG NHẬN CÔNG Y DÂN CHÍNH

Xuất trình: **Đường 6**

Ngày **2** tháng **8** năm 198**9**

QUẬN PHƯỜNG 6 - Q. TÂN BÌNH



ỦY VIÊN THU KÝ

[Signature]

Dân Công Đảng

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Nốt ruồi nổi đuôi
mày trái.**

29 tháng **1** năm **1985**

ĐOÀN CÔNG AN QUẬN THỦY GIANG ĐOÀN TRƯỞNG TY CÔNG AN



Chanh Văn

Quận TAM-KY
Xã TAM-KY

-o- GIẤY KHAI-SINH -o-
-o-o-o-o-o-o-o-o-o-

Số hiệu 239

Tên, họ người con mới sinh : Nguyễn-huy-Hoà
Con trai hay gái : Con gái
Sinh ngày, tháng, năm nào : Sinh ngày hai mươi năm, tháng năm, năm một nghìn chín trăm năm mươi lăm.
Sinh tại đâu : Tại Phường III thị-xã Tam-Kỳ, Tỉnh Quảng-nam.
Tên, họ, nghề-nghiệp, tuổi người cha : NGUYEN-HUY-LAM 24 tuổi, nghề-nghiệp Binh-sĩ, làng Thuận-vi, tỉnh THAI-BINH, ngụ tại Tiểu-đoàn 53 Việt-nam.
Tên, họ, nghề-nghiệp, tuổi người mẹ, sinh quán trú quán chỗ ở người mẹ : TRAN-THI-LUAN, 23 tuổi, nghề-nghiệp Đót-vải Làng Đông-quen, Tỉnh THAI-BINH. Hiện trú quán tại Thị-xã Tam-Kỳ, Tỉnh Quảng-nam.
Ngôi thứ của người mẹ : Vợ cả
Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, sinh quán và chỗ ở người đang khai : NGUYEN-HUY-LAM, 24 tuổi, nghề-nghiệp Binh-sĩ, làng Thuận-vi, Tỉnh THAI-BINH, ngụ tại Tiểu-đoàn 53 Việt-nam.
Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, sinh quán chỗ ở người làm chứng thứ nhất : NGUYEN-NGOC-KIEM, 28 tuổi, Binh-sĩ, làng Lưu-Phuong, quận Kim-sơ, Tỉnh Ninh-Binh, ngụ tại Tiểu-đoàn 53 Việt-nam.
Tên, họ, nghề-nghiệp, tuổi, sinh quán chỗ ở người làm chứng thứ hai : CAO-VAN-GIAN, 41 tuổi, Binh-sĩ, làng Văn-giao, quận Lai-an, Tỉnh Ninh-B, ngụ tại Tiểu-đoàn 53 Việt-nam.

Giấy khai này làm tại TAM-KY

Ngày 27 . 5 . 1955

Người khai :
Ký tên NGUYEN-HUY-LAM

Hội-đồng Hương-chính Thị-xã TAM-KY
Hộ-lại

Ký tên hộ-Quang và đóng dấu

Người làm chứng thứ nhất
Ký tên NGUYEN-NGOC-KIEM

Người làm chứng thứ nhì
Ký tên CAO-VAN-GIAN

Nhận thụ chữ ký của Ông Ủy-viên H.D.H.C.
Thị-xã Tam-Kỳ
TAM-KY, ngày 27 tháng 5 năm 1955
TJH.Quản-Trưởng Tam-Kỳ
Xử-lý Thương-vụ

Hương Bộ (I)

Ký tên không rõ và đóng dấu

Stamp: 30 K 1955
Stamp: K
Stamp: K
Stamp: K



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020938218

Họ tên NGUYỄN THỊ AN.



Sinh ngày 06-11-1955

Nguyên quán Hải Hưng

Nơi thường trú 3/8 Phường 7.

Tân Bình TP. Hồ Chí Minh.

56

608

CHÚNG NHẬN ĐÓNG Y RÁN CHÍNH

Xuân Trường

Notarizing _____ 8 Jan 1987

~~UBND. TH. 04. 6-Q. TÂN BÌNH~~

ĐY VIÊN THỦ XÝ

Phan Công Dung

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi c, 1,5cm trên
sau đầu mắt trái

Năm 27 tháng 4 năm 1979

THÀNH VIÊN TỔNG QUẢN TRỊ CÔNG AN
PHÒNG ĐÔNG-PHONG CSI



Nguyễn Văn Căn

ĐÔ-THÀNH SAIGON
NHỊ

Tên Hành-Chính Quận
15.661

Số hộ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NH30NG/3b.

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm (1955)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	NGUYEN THI AN
Phái.	nam
Ngày sanh	sau tháng mười một, năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm, 6 giờ 15
Nơi sanh	Saigon, 284, đường Cộng-Quynh
Tên, họ người Cha . .	NGUYEN VAN CHIEU Khai nhinđưa nhỏ là con
Tuổi.	ba mươi lăm tuổi
Nghề-nghiệp.	Làm ruộng
Nơi cư-ngụ	Chi Hoà, Saigon
Tên, họ người Mẹ. . .	PHAM THI PHAM
Tuổi.	hai mươi lăm tuổi
Nghề-nghiệp.	buôn bán
Nơi cư-ngụ	Chi Hoà, Saigon
Vợ chánh hay thứ. . .	-----

Làm tại Saigon, ngày 10 tháng 11 năm 1955

1972

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH:

Saigon, ngày 23 tháng 09 năm 1972

QUẢN TRƯỞNG QUẬN NHỊ,



DUONG HUU XUC

ĐÔ-THÀNH SAIGON
NHỊ

Tên Hành-Chính Quận
15.661

Số hộ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NH30NG/3b.

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm (1955)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	NGUYỄN THỊ AN
Phái.	mẹ
Ngày sanh	sáu tháng mười một, năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm, 6 giờ 15
Nơi sanh	Saigon, 284, đường Cộng-Quỳnh
Tên, họ người Cha . .	NGUYỄN VĂN CHIÊU Khai nhĩ đứa nhỏ là con
Tuổi.	ba mươi lăm tuổi
Nghề-nghiệp.	Làm ruộng
Nơi cư-ngụ	Chi Hòa, Saigon
Tên, họ người Mẹ. . .	PHẠM THỊ PHẠM
Tuổi.	hai mươi lăm tuổi
Nghề-nghiệp.	buôn bán
Nơi cư-ngụ	Chi Hòa, Saigon
Vợ chánh hay thứ. . .	-----

Làm tại Saigon, ngày 10 tháng 11 năm 1955

1972

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH:

Saigon, ngày 23 tháng 09 năm 1972

II. QUẢN TRƯỞNG QUẬN NHỊ,



DUYNG-HUU-XUONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020938217**

Họ tên: **TRẦN THỊ LUÂN**

Sinh ngày: **1931**

Nguyên quán: **Thái Bình**

Nơi thường trú: **3/8. Phường 7
Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh**



Số **605**

CHỨNG NHẬN SỐNG Y DÂN CHÍNH

Xuất bản tại: **Phường 6**

Lê th. 8 năm 1989

PHƯỜNG 6 - Q. TÂN BÌNH

ỦY VIÊN THU KÝ



Đan Công Dung

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên Chúa	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Seo tròn 0,4cm c2,5c trên sau mạp trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 27 tháng 1 năm 1979 TẠI LÃNG CỤC CÔNG AN TRƯỜNG TỶ CÔNG AN PHÓ TRƯỞNG PHONG CSI  Họ tên: Trần Văn	

TỐI-CAO PHÁP-VIỆM
TÒA SƠ-THẨM
QUẢNG-NAM tại ĐÀ-NẲNG
CHỨNG THỰC THAY GIẤY
KHAI SINH
Số 130

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Năm một nghìn chín trăm 1956 năm
Ngày 2 tháng 12 năm 03 giờ
Trước mặt chúng tôi là Tiêu-Đông-Chánh
Tòa Sơ-Thẩm Quảng-Nam tại Đà-Nẵng ngồi tại văn phòng có
Ông Chai-Xuân-Triết Lục sự giúp việc

CỐ ĐẾN TRÌNH DIỆN

1 Phạm-Dinh-Giung 26 tuổi, trú ngụ tại _____
Của trước số _____ cấp tại _____ ngày _____
2 Nguyễn-Thám 25 tuổi, trú ngụ tại _____
Của trước số _____ cấp tại _____ ngày _____
3 Tạ (Tùng)-Chí 27 tuổi, trú ngụ tại _____
Của trước số _____ cấp tại _____ ngày _____

Những người chứng nói trên sau khi thể nói tất cả sự thật đã khai và chứng nhận biết rõ

Trần-Thị-Luân /Nhật, Nữ Quốc-tịch Việt-Nam sinh ngày không nhớ
tháng không nhớ năm không nhớ / trần bà trước đến (1954)
tại Thị-Vi qua Thủ-Tri tỉnh Thái-Bình
Con của Ông Trần-Giờng-Thần và Bà Phạm-Tôi-Bà (c)

Mấy người này qui quyết rằng Nguyễn-Huy-Lân
không thể xuất nạp giấy KHAI-SINH và y được vì lẽ số hộ tịch chính quán
bị phá hủy bởi n.ông biến cố chiến tranh b.án chính bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều
46 Bắc Việt Hộ luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy KHAI-SINH
của Trần-Thị-Luân cấp cho đương sự
để nạp hồ sơ.

Những người sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-Sự
Người đứng khai Những người chứng Thẩm Phán Lục sự

--- Cần ký tên ---

Tên bản chính
Trước bạ thẩm :
Trước bạ tại Đà-Nẵng ngày 22/12/1956
Quyển 1 tờ 23 số 13/2
CHỦ SỰ
Ký tên và đóng dấu

Sao y chính bản
ĐÀ-NẲNG, ngày 22 tháng 12 năm 1956
CHÁNH LỤC SỰ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022427349

Họ tên NGUYỄN HUY LÂN

Sinh ngày 1927

Nguyên quán Thái Bình.

Nơi thường trú 318 Tổ 22, P7
T/Bình, TP. Hồ Chí Minh.



Số 645

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Ngày 6

Tháng 8 năm 89

PHƯỜNG 5 QU. TÂN BÌNH

VIỆN THƯ KÝ

[Signature]



[Handwritten signature]

Dân tộc: kinh Tôn giáo: thiên chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi nổi đầu
mày trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 29 tháng 5 năm 1987



CHIAM ĐÓNG RONG TRƯỞNG TY CÔNG AN

Tham
Tiến Thành

SỞ TƯ - PHÁP
TRUNG - PHÂN

TÒA SƠ - THẨM
QUẢNG - NAM tại ĐÀ - NẴNG

CHỨNG THƯ THAY GIẤY
KHAI-SINH
số 8139

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Năm một nghìn chín trăm năm mươi tám
ngày Hai tháng Mười hai năm Hai nghìn
Trước mặt chúng tôi là Tư - Đổng
Chánh Án Tòa Sơ - Thẩm Quảng - Nam tại ĐÀ - NẴNG ngồi tại văn
phòng có Ông Mai - Xuân - Triết Lục - sự giúp việc

CÓ ĐẾN TRÌNH - DIỆN

1°) Phạm Đình Chương 26 tuổi, trú ngụ tại Thạc - Gián, Đà - Nẵng
Căn cước số 52A.1394 cấp tại Hồ - Chí - Minh ngày 20/10/1955
2°) Nguyễn - Thắm 23 tuổi, trú ngụ tại KE.4438
căn cước số Tha - Quan - Nhân cấp tại KE.4438 ngày 10/7/1956
3°) Tạ - Tương - Chi 27 tuổi, trú ngụ tại KE.4277
căn cước số 51A.008.210 cấp tại Nha - Trang ngày 13/9/1955

Những người chứng nói trên, sau khi hỏi rõ tất cả sự thật và chỉ có sự thật đã khai và
chứng nhận biết rõ:

Nguyễn - Huy - Lan Nam, Nhà Quốc - Tịch Việt - Nam sinh ngày không rõ
tháng không rõ năm một nghìn chín trăm ba mươi một (1931)
tại làng Thuận - Mỹ, quận Thu - Tri, tỉnh Thái - Bình
là con của Ông Nguyễn - Huy - An (chết) và Bà Nguyễn - thị - Jôn vợ chính

Mấy người này quả quyết rằng Nguyễn - Huy - Lan
thông thẻ xuất nập giấy KHAI-SINH của Nguyễn - Huy - Lan được vì lẽ sổ hộ tịch chính quán
bị phá hủy bởi những biến cố chiến tranh, bản chính bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều
46 Bắc Việt Hộ luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy KHAI-SINH
của Nguyễn - Huy - Lan cấp cho đương sự

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự
Người đứng khai: Nguyễn - Huy - Lan Những người chứng Chánh - Án Lục-sự

Phạm Đình Chương Tư - Đổng, Mai - Xuân - Triết
Nguyễn - Thắm
Tạ - Tương - Chi Sơ y chính bản
Trước họ thâu: Đà - Nẵng, ngày tháng năm 19
Trước họ tại Đà - Nẵng ngày 23/12/58
Quyển 14 số 1372
(kí tên và đóng dấu)



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Xếp nhà: Diên chiết
Thị trấn: Ngang, thị trấn
Mường - (Ký tên, đóng dấu)
Ngày 2/1/1954

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 227458 CN

Họ và tên chủ hộ:

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện, quận:

Ngày 10 tháng 3 năm 1954

Trưởng công an:

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PH.

Số NK 3

THỊ SỞ TRƯỞNG CÔNG AN

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Văn Bưởi	Chủ hộ	nam	1924	020938217	Đi làm thuê	01-10-1976		
02	Nguyễn Văn Bưởi	Con dâu	nữ	1955	020938218		01-10-1976		
03	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1955	020938219		01-10-1976	Đi ở 15 đường 1-4	
04	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nữ	02-9-1979			07-02-1979		
05	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nữ	06-7-1982			10-7-1982		
06	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1955			31-3-1976		
07	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	12-11-1979			25-11-1979		
08	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nữ	1977	0227127214		10-11-1977		
09	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nữ	1979			10-11-1979		
10	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nữ	1981			07-07-1981		
11	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	11-10-1983			26-10-1983		
12	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1985					
13	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1987					
14	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1989					
15	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1991					
16	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1993					
17	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1995					
18	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1997					
19	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	1999					
20	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2001					
21	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2003					
22	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2005					
23	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2007					
24	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2009					
25	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2011					
26	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2013					
27	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2015					
28	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2017					
29	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2019					
30	Nguyễn Văn Bưởi	Con	nam	2021					

SỞ QUẢN LÝ ĐẤT VÀ BÀN CHỈNH
 QUẬN 6
 NGÀY 10/10/2021
 CHỖ CHẤM THU KÝ

Trần Công Dũng



TRƯỜNG
QUÂN BẢO VÀ CHIẾN TRANH TÂM LÝ
CÂY MAI



QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỔNG THAM-MU'U

TRƯỜNG QUÂN-BẢO CHIẾN-TRANH TÂM-LÝ CÂY-MAI

BẰNG TỐT-NGHIỆP

Lớp Binh Địa

Hội-đồng Giám-khảo Trường QUÂN-BẢO VÀ CHIẾN-TRANH TÂM-LÝ CÂY-MAI chứng nhận :

Trung-sĩ Nguyễn-Huy-Sân số quân 308.027 đơn-vị ĐĐHC.5

đã trúng tuyển kỳ thi mãn khóa, khóa thứ 2/59 Binh-Địa sắp hạng 9/18

K.B.C. 4.730, ngày 10 OCT 1959

Thiếu-Ta PHAM-VAN-SON

CHỈ-HUY TRƯỞNG Q. B. C. T. T. L.
kiêm CHÁNH HỘI ĐỒNG GIÁM KHẢO

số 29240 /TQB.CTTI/ANQB/HKGK



GIẤY CHỨNG-NHẬN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG HÒA
QUÂN-ĐOÀN I VÀ QUÂN-KHU I
BỘ THAM MƯU-PHÒNG 6

THAM CHIẾU BĐ SĐ 1701/TM.6/50/K
Ngày 4.12.73 của BCT/QUĐ-OK.1/P6

SĐ 0100 TM6 '54 K

Hội-đồng Giám-hiếu kỳ thi mãn khóa I/74 MẬT MÃ CẤP TỐI
tổ chức tại Bộ Tư-Lệnh Quân-Đoàn I và Quân-Khu I
từ từ ngày 14 Tháng 2 Năm 1974 đến 14 Tháng 3 Năm 1974

Chứng Nhận TS. Nguyễn Huy Hoa số quân 75/126.738
thuộc Tiểu-Đoàn 20 Pháo Binh đã trúng tuyển với số điểm
trung-bình 15,15/20 Vị-thứ 5/33

KBC 410/ ngày 20 tháng 03 năm 1974

CHÁNH CHỦ-KHẢO

Trưởng-Tổ NGUYỄN-VĂN-TẾ

TRƯỞNG PHÒNG 6/QUĐ I VÀ OK.12

banh

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Trung-sĩ Nguyễn-huy-Hòa Số 75/125/7

đã theo học có kết quả HS/TB 4/73 PB

từ ngày 26 tháng 9 năm 1973 đến ngày 15 tháng 12 năm 1973

với điểm trung-bình 13.876 / 20 Chức-hạng 100 / 155

THỊ-NHẬN SỐ

(Cham-chieu _____)

Kho. 4883, ngày 15 tháng 12 năm 1973

Dj-46 HC-9-AH 14

Chỉ-huy trưởng trường Pháo binh 2. L. V. N. C. H. 2

Handwritten signature



QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TỔNG-THAM-MƯU
TỔNG-CỤC QUÂN-HUÂN

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

Chúng nhận **NGUYỄN HUY HOÀ** Sq. 75/426.738.
đã tốt nghiệp Đợt 8173 Khoa Sĩ Quan Trừ Bị
mở tại Trường Sĩ Quan Trừ Bị Luyện Lâm Sơn
từ ngày 23.04.1973 đến ngày 27.8.1973
Điểm trung bình 239/28 Điểm hạnh 119/1768

THỊ-NHẬN SỐ 604

(Tham chiếu DD 43676/TTTL KLS IN VINSU/CSS
Ngày: 30.8.1973

4523 ngày 27.8.1973

Handwritten signature and official stamp

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

TỔNG THAM-MƯU

BẰNG NHẢY-DÙ LỰC-LƯỢNG ĐẶC-BIỆT

Số 0330 /LLDB/P3/QH

Cấp cho Nguyễn Huy Sáu bậc ngũ quân số 308.027
đã tốt nghiệp khoa Đặc biệt

mở tại Trung. Tâm Huấn. Luyện Lực. Lượng Đặc. Biệt

từ ngày _____ đến _____

THỊ NHẬN

K.B.C. 3.420, ngày 13 MAR 1964

Đại Tá Phạm Sơn

Tr. Lính Lực-Lượng Đặc-Biệt



K.B.C. 3.420, ngày 13 MAR 1964

Đại Úy Nguyễn Lộc

Chi-Huy-Trưởng Trung Tâm H.L./L.L.Đ.B.





$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$
$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$
$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$
$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}$

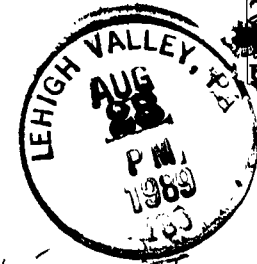
Hung H Nguyen

Allentown. PA.

17Y

Form
dầu lái thư
tập báo trợ
nội cần sự (H)

AUG 30 1989



To. Bt Khuc Minh

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

CONTROL

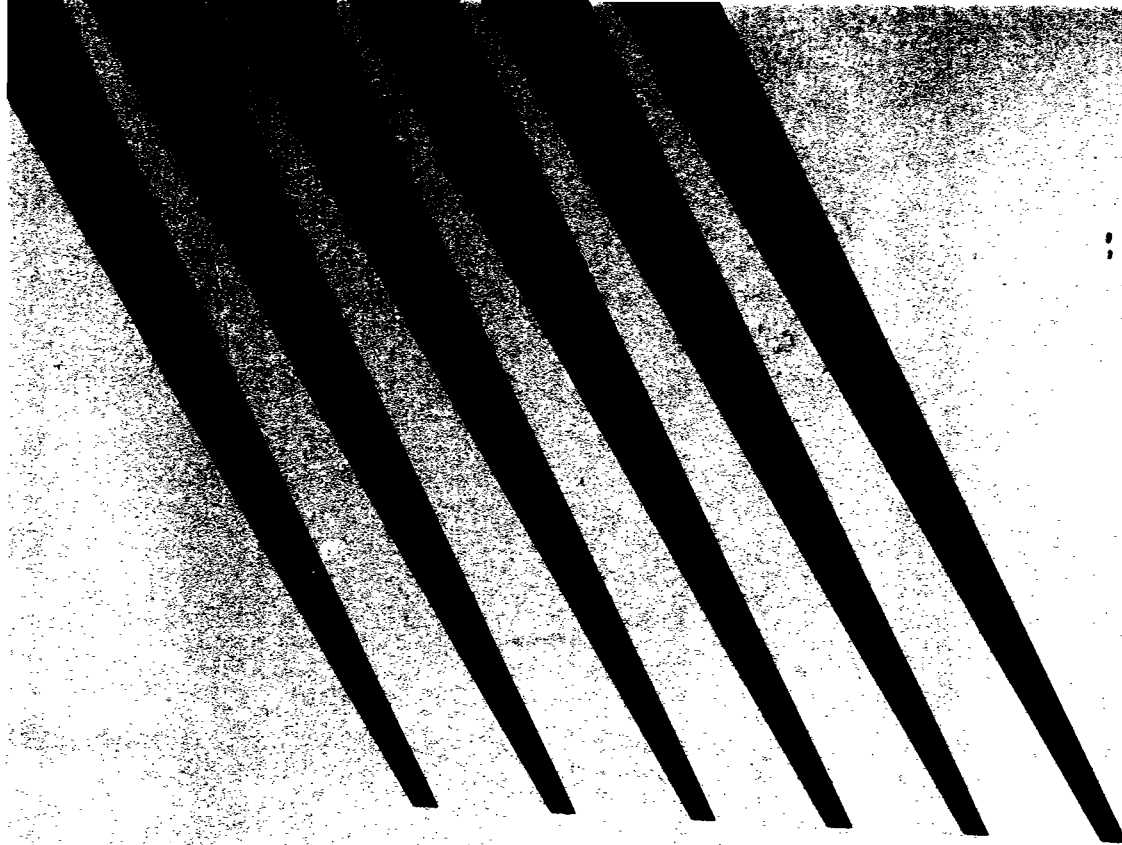
☐ Card
☒ Doc. Request; Form 9/25/89
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☒ ODP/Date
☐ Membership; Letter

1. Tóm lược - Ông Nguyễn Văn Căn - Thiệp, một khách bộ sưu tập
 đã xin được trợ cấp từ Mỹ, bị bắt giam 30-4-75 về tội phạm
 bị bắt và được thả vào 21-7-1982.

2. Nhận xét và đề nghị - Ông bắt đầu 30-4-75 ở tù 17 năm
 có GRT) đề nghị can thiệp -

Danh sách liệt kích hoạt đồng ngoại lãnh thổ VNCH
và bị bắt trước ngày 30-4-75

Số chỉ tư	Số họ tên	Tên và họ Đang B	Số IV hay HT	Thời gian bị bắt	Địa điểm bị bắt	Ghi chú
1	1	Nguyễn Bá Tường	H 26	từ 3/18/71 đến 6/26/76 (5 năm)	Snoul (Kampuchea)	Ở đây cũng tham chiến tại Snoul một số đi quan bị tử nạn vì ô nhiễm 3 năm
2	2	Đặng Văn Ri	IV 224 466	từ 1/5/73 đến 2/20/76 (3 năm)	Kampuchea	
3	3	Trần Ngọc Đăng		từ 4/7/72 đến 2/13/73	Độc Ninh	trên lãnh thổ VNCH
4	4	Nguyễn Ngọc Thạch	HB - 822	từ 6/1/74 đến 6/25/77		có h/d chấp chức gwent sau khi được tha
5	7	Nguyễn Ngọc Liên	IV 253/49	3/21/71 đến 4/2/76 (5 năm)	Hà Lào	
6	8	Hồ Chí Thành	IV 318 187 H 35 - 36	8/17/74 đến 5/25/78 (3 năm)	Quảng Nam	trên lãnh thổ VNCH
7	9	Nguyễn Văn Chỉnh	IV 79 525 VEWL # 31768	1964 đến 6/14/81 (17 năm)	Bắc Việt	
8	10	Huỳnh Văn Khim		từ 6/1/70 đến 11/24/80 (10 năm)	Bắc Việt	
9	11	Nai Văn An		8/10/66 đến 7/20/82 (16 năm)	Bình Giời Việt Lào	
10	12	Ngô Văn Lân		4/30/65 đến 7/21/82 (17 năm)	Bắc Việt	
11	13	Ngô Văn Hải		11/1/67 - 12/1/82 (15 năm)		
12	14	Ngô Văn Lân		7/26/66 đến 7/23/82 (16 năm)	"	



Biết Kió
tư

VIRGINIA POWER

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN Huy LAN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 1931
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): ✓
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 318 To 32 Phung 6 Quan Tan Binh
(Dia chi tai Viet-Nam) Thanh pho Ho Chi Minh

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): 1964 To (Den): 1983

PLACE OF RE-EDUCATION: Lao Cai Yen Bai
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Truong Tam pha Hoi

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thượng Sĩ I
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chức vụ): Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co):
IV Number (So ho so):
No (Khong): ✓

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Six
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 318 To 32 Phung 6 Quan Tan Binh Thanh pho Ho Chi Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Hung Huy Nguyen
1305 E MARK ST Apt 103 ARLINGTON VA 22203

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): ✓

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE: Hung Huy Nguyen
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Hung Nguyen
Atlanta

DATE: Sept 05 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN Thi LUAN	1936	1st 22 Aug 6 and TAN Binh
Nguyen Huy HOA	15-05-1965	//
Nguyen Thi AN	06-11-1965	//
Nguyen Thi Phuong Quyen	02-02-1979	//
Nguyen Thi Phuong Quyen	06-07-1982	=
Nguyen Huy Thong	12-01-1984	=

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

CONTROL

March 5 | 89

- ☐ Card
- ☒ Doc. Request; Form
- ☐ Release Order
- ☐ Computer
- ☐ Form "D"
- ☐ ODP/Date
- ☐ Membership; Letter

Chō Hs

7/20